

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 54/2019/DS-ST

Ngày: 15- 7-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chính

2. Ông Nông Hữu Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: không tham gia phiên tòa:

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST- DS ngày 06/5/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Đức M - Sinh năm: 1972

Bà Huỳnh Thị Kim N - Sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ cư trú: Liên gia M, Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Đều có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị L - Sinh năm: 1968

Địa chỉ cư trú: Liên gia M, Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai của các nguyên đơn ông Dương Đức M và bà Huỳnh Thị Kim N trình bày:***

Gia đình vợ chồng ông M, bà N và bà L là hàng xóm với nhau nên vào ngày 08/01/2018 vợ chồng ông M, bà N có cho bà Trần Thị L vay số tiền 94.000.000đồng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2,5 %/tháng, khi vay bà L không thể chấp tài sản gì. Trong giấy vay ghi là mượn cả phê nhưng thực tế là vay bằng tiền mặt, vì bà L làm nông nên bà L không có tiền mặt thì trả cả phê cũng được. Bà L nói vay tiền về để sinh hoạt gia đình.

Kể từ khi vay đến nay con bà L đã trả 23.135.000 đồng. Chồng bà L đã mất nên vợ mất chồng ông M, bà N chỉ yêu cầu bà L trả nợ chứ không yêu cầu người nào khác trong gia đình bà L gánh trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông M, bà N. Vợ chồng ông M, bà N yêu cầu bà L trả bằng tiền mặt chứ không trả bằng cả phê như trong giấy mượn cả phê.

Sau nhiều lần vợ chồng ông M, bà N đòi nợ bà L, bà L vẫn không chịu trả nên ngày 12/3/2019 giữa vợ chồng ông M, bà N và bà L có ghi giấy thỏa thuận là từ ngày 12/3/2019 đến ngày 12/4/2019 bà L phải trả cho vợ chồng ông M, bà N số tiền là 30.000.000 đồng và từ ngày 12/4/2019 đến ngày 12/12/2019 bà L phải trả cho vợ chồng ông M, bà N số tiền là 30.000.000 đồng. Nếu bà L không thực hiện theo thỏa thuận thì vợ chồng ông M, bà N sẽ khởi kiện bà L ra tòa, yêu cầu bà L phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 70.865.000 đồng. Đến hạn ngày 12/4/2019 bà L vẫn không chịu trả tiền nên vợ chồng ông M, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho vợ chồng ông M, bà N số tiền 70.865.000 đồng và lãi suất. Nhưng nay vợ chồng ông M, bà N không yêu cầu bà L phải trả lãi suất nữa mà chỉ yêu cầu bà L phải trả tiền gốc đã vay là 70.865.000 đồng.

*** Bị đơn bà Trần Thị L khai:**

Do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm với nhau nên bà L có vay tiền của vợ chồng ông M, bà N số tiền 94.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2,5 %/tháng, khi vay bà L không thế chấp tài sản gì. Trong giấy vay ghi là mượn cả phê nhưng thực tế là vay bằng tiền mặt. Mục đích vay tiền là để sinh hoạt trong gia đình. Chồng bà L đã mất từ năm 2017 nên bà L tự một mình trả nợ cho ông M, bà N. Sau khi vay con trai bà L đã trả cho ông M, bà N số tiền 23.135.000 đồng, bà L còn nợ vợ chồng ông M, bà N số tiền gốc đã vay là 70.865.000 đồng.

Sau khi còn nợ số tiền 70.865.000 đồng thì vào ngày 12/3/2019 giữa bà L và vợ chồng ông M, bà N có thỏa thuận với nhau hẹn từ ngày 12/3/2019 đến ngày 12/4/2019 bà L sẽ trả cho vợ chồng ông M, bà N số tiền là 30.000.000 đồng và từ ngày 12/4/2019 đến ngày 12/12/2019 phải trả tiếp cho vợ chồng ông M, bà N số tiền là 30.000.000 đồng nếu bà L không trả nợ theo thỏa thuận thì vợ chồng ông M, bà N khởi kiện bà L ra Tòa án và yêu cầu bà L phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 70.865.000 đồng. Do không có tiền trả nợ cho vợ chồng ông M, bà N nên bà L không thể thực hiện theo như thỏa thuận được.

Nay vợ chồng ông M, bà N yêu cầu bà L phải trả số tiền còn nợ lại là 70.865.000 đồng và không yêu cầu phải trả lãi suất thì bà L đồng ý nhưng hiện tại bà L không có tiền để trả một lúc cho vợ chồng ông M bà N được mà xin được trả dần hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Dương Đức M và bà Huỳnh Thị Kim N yêu cầu bà Trần Thị L phải trả số tiền gốc đã vay còn nợ là 70.865.000 đồng.

Qua lời khai của bị đơn bà Trần Thị L và giấy mượn cà phê được xác lập ngày 08/01/2018 mà các bên đương sự đều xác nhận thực tế là vay số tiền 94.000.000 đồng nhưng các bên thống nhất là ghi giấy mượn cà phê và trong giấy không hẹn thời hạn trả nợ. Sau khi vay bị đơn đã trả cho các nguyên đơn số tiền là 23.135.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận còn nợ các nguyên đơn số tiền 70.865.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ này cho các nguyên đơn và cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên không trả nợ một lúc được. Mặc dù trước đó bị đơn có thỏa thuận với các nguyên đơn hẹn từ ngày 12/3/2019 đến ngày 12/4/2019 sẽ trả cho các nguyên đơn số tiền là 30.000.000 đồng và từ ngày 12/4/2019 đến ngày 12/12/2019 trả tiếp số tiền là 30.000.000 đồng nhưng vẫn không thực hiện được nên nay xin được trả dần số tiền nợ 70.865.000 đồng là hàng tháng trả vài trăm ngàn. Nhưng các nguyên đơn không chấp nhận cho bị đơn trả dần.

Các nguyên đơn vợ chồng ông M, bà N và bị đơn bà L khi lập giấy mượn cà phê (đưa tiền cho vay) không ghi thời hạn trả nợ và cũng không thỏa thuận bằng miệng về thời hạn trả nợ. Nhưng các bên đều thừa nhận có hẹn thời hạn trả nợ là từ ngày 12/3/2019 đến ngày 12/4/2019 bà L sẽ trả cho vợ chồng ông M bà N số tiền là 30.000.000 đồng và từ ngày 12/4/2019 đến ngày 12/12/2019 bà L phải trả tiếp cho vợ chồng ông M bà N số tiền là 30.000.000 đồng đến hạn như thỏa thuận bà L không trả nợ cho vợ chồng ông M, bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Đồng thời giữa các đương sự đều thừa nhận nếu bị đơn không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận thì các nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn nợ. Do bị đơn không thực hiện trả nợ như các bên đã thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền nợ 70.865.000 đồng là có cơ sở cần chấp nhận buộc bà Trần Thị L phải trả cho vợ chồng ông M, bà N số tiền 70.865.000 đồng.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất nhưng tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa các nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông M, bà N được chấp nhận nên ông M, bà N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Dương Đức M và bà Huỳnh Thị Kim N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Trần Thị L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự

- Khoản 2, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đức M và bà Huỳnh Thị Kim N.

Buộc bà Trần Thị L phải trả cho vợ chồng ông Dương Đức M, bà Huỳnh Thị Kim N số tiền nợ vay là 70.865.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

* **Về án phí:** Bà Trần Thị L phải nộp 3.543.250 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Đức M và bà Huỳnh Thị Kim N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.985.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0012354 ngày 26/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh,
- CCTHADSTP.B;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

